

NGOẠI NGỮ VỚI BẢN NGỮ

KĨ NĂNG NGHE HIỂU TIẾNG ANH CỦA SINH VIÊN NĂM THỨ HAI KHÔNG CHUYÊN KHOA MAY - THIẾT KẾ THỜI TRANG, TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI

NGUYỄN THỊ THANH TÙNG*

TÓM TẮT: Nghiên cứu này nhằm khảo sát và đánh giá kĩ năng nghe hiểu tiếng Anh của sinh viên năm thứ hai không chuyên ngành May - Thiết kế thời trang tại Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội. Kết quả khảo sát cho thấy sinh viên thường xuyên tự luyện nghe các bản tin tiếng Anh và tiếp xúc với ngôn ngữ của người bản xứ, góp phần cải thiện năng lực nghe. Tuy nhiên, sinh viên vẫn gặp khó khăn trong việc hiểu nội dung nghe, chủ yếu do hạn chế về vốn từ vựng chuyên ngành, từ vựng chung và kiến thức văn hóa - xã hội. Việc áp dụng các phương pháp học tập nhằm nâng cao kĩ năng nghe tiếng Anh chuyên ngành được đánh giá là hiệu quả, đồng thời sinh viên cũng sử dụng các chiến lược nghe một cách hiệu quả. Nghiên cứu cũng phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến kĩ năng nghe hiểu của sinh viên và đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao năng lực này cho sinh viên năm thứ hai không chuyên ngành May - Thiết kế thời trang tại Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội.

TỪ KHÓA: kĩ năng nghe hiểu; sinh viên học tiếng Anh; yếu tố tác động; hoạt động dạy và học; đại học

NHẬN BÀI: 25/09/2025.

BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG: 05/03/2026

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, tiếng Anh ngày càng trở thành công cụ quan trọng phục vụ giao tiếp, học tập và công việc. Trong số các kĩ năng ngôn ngữ, kĩ năng nghe hiểu được coi là nền tảng, đóng vai trò then chốt trong việc tiếp nhận thông tin, phản hồi giao tiếp và hỗ trợ sự phát triển của các kĩ năng ngôn ngữ khác. Tuy nhiên, đối với sinh viên không chuyên, đặc biệt là những ngành kĩ thuật và thiết kế, việc rèn luyện kĩ năng nghe hiểu tiếng Anh vẫn gặp nhiều hạn chế.

Tại Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội, sinh viên ngành May - Thiết kế thời trang được đào tạo chủ yếu về kiến thức chuyên môn và thực hành nghề nghiệp. Mặc dù tiếng Anh là môn học bắt buộc trong chương trình đào tạo, nhưng phần lớn sinh viên không chuyên thường gặp khó khăn trong việc tiếp nhận ngôn ngữ nói, đặc biệt khi tốc độ nói nhanh, vốn từ vựng hạn chế và sự khác biệt về phát âm. Những yếu tố này ảnh hưởng trực tiếp đến quá trình học tập, giao lưu quốc tế và cơ hội nghề nghiệp sau khi ra trường.

Xuất phát từ thực trạng trên, việc nghiên cứu và khảo sát năng lực nghe hiểu tiếng Anh của sinh viên năm thứ hai không chuyên ngành May - Thiết kế thời trang tại Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội là cần thiết. Kết quả nghiên cứu sẽ giúp làm rõ tình hình kĩ năng nghe hiểu tiếng Anh của nhóm sinh viên này, từ đó đề xuất các giải pháp thiết thực nhằm nâng cao khả năng nghe hiểu tiếng Anh cho sinh viên năm thứ hai không chuyên ngành May - Thiết kế thời trang.

2. Cơ sở lý luận về kĩ năng nghe hiểu

2.1. Khái niệm “nghe hiểu”

Lê Văn Canh và nhóm tác giả (2019) chỉ ra rằng nghe hiểu tiếng Anh là khả năng tiếp nhận, xử lý và hiểu được nội dung thông tin được truyền đạt bằng tiếng Anh thông qua âm thanh (lời nói), bao gồm việc nhận biết âm, từ, ngữ điệu, trọng âm và suy ra ý nghĩa của thông điệp trong ngữ cảnh giao tiếp. Ngô Thị Thanh Huyền (2019) nhấn mạnh nghe hiểu tiếng Anh là quá trình người học chủ động lắng nghe, phân tích và giải mã các tín hiệu ngôn ngữ bằng tiếng Anh để nắm bắt được ý nghĩa, mục

*Trường Ngoại ngữ - Du lịch, Đại học Công nghiệp Hà Nội; Email: tungntt@hau.edu.vn

đích và cảm xúc mà người nói muốn truyền đạt. Phi Thị Kiều Oanh (2023) nghe hiểu tiếng Anh (English listening comprehension) là quá trình người học tiếp nhận, xử lý và giải mã các tín hiệu âm thanh của ngôn ngữ để hiểu được nội dung thông tin mà người nói truyền đạt. Quá trình này không chỉ bao gồm việc nhận diện âm, từ vựng và cấu trúc ngữ pháp, mà còn đòi hỏi người nghe phải vận dụng kiến thức ngôn ngữ, bối cảnh giao tiếp, kinh nghiệm và suy luận để nắm bắt ý nghĩa tổng thể, thái độ, mục đích và cảm xúc của người nói. Phương Thị Hệ và Nguyễn Văn Tuấn (2025) nghe hiểu là một hoạt động nhận thức tích cực, trong đó người học chủ động xây dựng ý nghĩa từ dòng lời nói liên tục trong những tình huống giao tiếp cụ thể.

Theo Richards (1983), nghe hiểu là quá trình tiếp nhận và giải mã lời nói trong cả ngôn ngữ thứ nhất và ngôn ngữ thứ hai, bao gồm hai cơ chế chủ yếu: trên xuống (top-down) và dưới lên (bottom-up). Brown (2006) cho rằng, cơ chế trên xuống diễn ra khi người học sử dụng kiến thức nền tảng và vốn từ vựng có sẵn để hiểu nội dung, trong khi cơ chế dưới lên dựa vào ngữ cảnh của bài nghe để suy đoán ý nghĩa của các từ mới. Rost (1994) nhấn mạnh rằng, người nghe cần nhận diện âm thanh, nắm vững từ vựng và cấu trúc ngữ pháp, xác định trọng âm và ý định của người nói, đồng thời có khả năng ghi nhớ và giải thích thông tin trong bối cảnh văn hóa - xã hội. Anderson (1983) định nghĩa, nghe hiểu là khả năng nắm bắt thông điệp mà người nói truyền đạt, trong đó người nghe đóng vai trò chủ động, sử dụng các kiến thức đa dạng để phân tích và giải thích thông tin. Theo Hasan (2000), nghe hiểu là một quá trình tương tác hai chiều giữa người nghe và văn bản nghe, giúp người nghe xây dựng nhận thức tổng quát về nội dung. Quá trình này được thực hiện thông qua việc chọn lọc và giải thích thông tin từ thính giác và các dấu hiệu trực quan nhằm hiểu đúng thông điệp. Từ những quan điểm trên, nghe hiểu có thể được coi là một kỹ năng phức tạp, không chỉ đơn thuần là tiếp nhận âm thanh mà còn bao gồm phân tích và lĩnh hội thông điệp.

2.2. Quá trình nghe hiểu

Trong nghiên cứu về kỹ năng nghe hiểu, các nhà tâm lý học và ngôn ngữ học nhấn mạnh vai trò của sự kết hợp giữa hai cơ chế xử lý thông tin: từ dưới lên (bottom-up) và từ trên xuống (top-down). Brette (1995) lý giải rằng, trong quá trình dưới lên, người nghe tiến hành phân tích chuỗi lời nói thành các âm cơ bản, sau đó ghép các âm thành từ, từ thành cụm từ, cụm từ thành câu, và tiếp tục theo trình tự như vậy để xây dựng ý nghĩa. Ngược lại, cơ chế trên xuống vận hành dựa trên các lược đồ và kiến thức nền đã có, giúp người nghe giải mã thông điệp dựa trên kinh nghiệm và hiểu biết trước đó. Khi người học sở hữu kiến thức nền phong phú, họ dễ dàng liên kết thông tin mới với những hiểu biết quen thuộc; ngược lại, thiếu hụt kiến thức nền có thể gây khó khăn trong việc hiểu một phát ngôn cụ thể. Anderson (1983) cho rằng quá trình nghe hiểu bao gồm ba bước chủ yếu: xử lý tri giác, phân tích cú pháp và vận dụng thông tin. Mở rộng thêm, Duzer (1997) phân tích quá trình này thành chín giai đoạn: xác định mục đích nghe, tạo hình ảnh bài nghe trong trí nhớ ngắn hạn, tổ chức thông tin theo thể loại và chức năng, dự đoán nội dung, hồi tưởng kiến thức nền để giải thích thông điệp, xác định ý nghĩa, kiểm tra mức độ hiểu, lưu trữ thông tin vào trí nhớ dài hạn, và cuối cùng loại bỏ dạng ban đầu của thông điệp khỏi trí nhớ ngắn hạn.

2.3. Những yếu tố ảnh hưởng đến việc phát triển khả năng nghe hiểu

Nguyễn Huy Hoàng (2018), kỹ năng nghe hiểu tiếng Anh chịu sự chi phối của nhiều yếu tố đan xen, từ ngôn ngữ đến tâm lý và môi trường. Tran, T., Dang, N., & Nguyen, L. (2024), vốn từ vựng và kiến thức ngữ pháp là nền tảng giúp người học nhận diện và giải mã thông tin; nếu thiếu hụt, việc hiểu nội dung sẽ trở nên rời rạc và khó liền mạch. Bên cạnh đó, phát âm, trọng âm, ngữ điệu và hiện tượng nối âm, nuốt âm trong lời nói tự nhiên cũng tạo ra không ít trở ngại, nhất là khi người nghe chưa quen với các giọng Anh-Mỹ, Anh-Anh hay Anh-Úc. Nguyễn Thị Bôi Hoàng (2013), tốc độ nói và cách diễn đạt của người nói, kết hợp với kiến thức nền về chủ đề, quyết định khả năng dự đoán và suy luận ý nghĩa. Ngoài ra, chiến lược nghe như nghe ý chính, nghe chi tiết, ghi chú hay đoán nghĩa qua ngữ cảnh góp phần nâng cao hiệu quả tiếp nhận thông tin. Ngô Thị Hằng Nga (2015), trạng thái tâm lý và điều kiện môi trường từ sự tập trung, tự tin đến chất lượng âm thanh cũng đóng vai trò quan trọng, bởi chúng có thể hỗ trợ hoặc cản trở quá trình xử lý và hiểu thông điệp bằng ngôn ngữ thứ hai.

Khả năng nghe hiểu bị ảnh hưởng bởi năm nhóm yếu tố chính (Rubin và Thompson, 1994). Thứ nhất là đặc điểm của bài nghe, bao gồm tốc độ nói, các chỗ dừng, trọng âm, vần điệu và sự khác biệt giữa ngôn ngữ thứ nhất và ngôn ngữ thứ hai. Thứ hai là đặc điểm của người nói, chẳng hạn như giới tính và trình độ ngôn ngữ. Thứ ba là đặc điểm của bài tập, bao gồm loại hình và cách thức thực hiện. Thứ tư là đặc điểm của người nghe, như trình độ ngôn ngữ, trí nhớ, khả năng tập trung, tuổi tác, giới tính, năng lực sử dụng ngôn ngữ mẹ đẻ và kiến thức nền. Cuối cùng là đặc điểm của quá trình xử lý thông tin nghe, bao gồm việc áp dụng các cơ chế xử lý trên xuống và dưới lên, xử lý song song cũng như các chiến lược nghe. Yagang (1994) đánh giá độ khó của kỹ năng nghe dựa trên bốn yếu tố: thông điệp nghe, người nói, người nghe và bối cảnh nghe. Khi tiếp xúc với ngoại ngữ, việc nghe những âm thanh chưa quen trong thời gian dài có thể dẫn đến mệt mỏi. Mặc dù người nghe thành công không cần hiểu từng từ một cách chi tiết, họ vẫn gặp khó khăn trong việc nhận biết các từ khóa khi bài nghe dài và chứa nhiều từ. Ngược lại, các đoạn nghe ngắn thường hiệu quả hơn vì chúng giảm độ phức tạp nội dung, giúp duy trì sự tập trung và hạn chế mệt mỏi. Hơn nữa, nếu thông điệp chứa quá nhiều thông tin và không thể lưu giữ dễ dàng trong trí nhớ ngắn hạn, việc áp dụng các chiến lược nghe trở nên khó khăn. Underwood (1989) nhấn mạnh vai trò quan trọng của kiến thức nền trong việc hiểu nội dung nghe. Người học hình thành ý nghĩa từ bài nghe bằng cách chia thông tin thành các đơn vị có ý nghĩa, sau đó kết hợp dựa trên kiến thức xã hội và ngôn ngữ đã có, đồng thời sử dụng suy đoán logic để điền các khoảng trống. Mức độ kiến thức nền khác nhau dẫn đến việc giải mã và diễn giải thông tin mới theo cách khác nhau. Việc kết hợp kiến thức sẵn có và các chiến lược học tập, người học nỗ lực hiểu thông tin mới bằng cách liên kết với các thông tin đã quen thuộc. Từ các nghiên cứu trên, có thể rút ra kết luận rằng những yếu tố ảnh hưởng đến kỹ năng nghe hiểu của người học chủ yếu bao gồm tốc độ nói, chỗ dừng, trọng âm, vần điệu và sự khác biệt giữa ngôn ngữ mẹ đẻ với ngôn ngữ thứ hai.

3. Câu hỏi, đối tượng và cách thức tiến hành

- *Câu hỏi nghiên cứu:* Nghiên cứu nhằm trả lời 03 câu hỏi là: 1) Kỹ năng nghe hiểu tiếng Anh của sinh viên năm thứ hai, không chuyên ngành May - Thiết kế thời trang ra sao?; 2) Những khó khăn mà sinh viên gặp phải trong quá trình học nghe tiếng Anh là gì?; 3) Những giải pháp nào có thể giúp sinh viên nâng cao kỹ năng nghe hiểu tiếng Anh?

- *Đối tượng nghiên cứu:* Nghiên cứu khảo sát 170 sinh viên năm thứ hai, không chuyên ngành May - Thiết kế thời trang, Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội, thông qua việc trả lời bảng hỏi khảo sát.

- *Cách thức tiến hành:* Cách khảo sát kết hợp giữa bảng hỏi với quan sát và phỏng vấn để đánh giá kỹ năng nghe hiểu của sinh viên. Trong đó, bảng hỏi được sử dụng chủ yếu, tập trung vào các nội dung như: thực trạng học nghe tiếng Anh (bao gồm tần suất nghe tiếng Anh và tiếng Việt, các biện pháp nâng cao kỹ năng nghe thông tin), chiến lược nghe, những khó khăn gặp phải và nguyên nhân, các yếu tố ảnh hưởng, cũng như các đề xuất cải thiện. Tổng cộng có 160/170 phiếu khảo sát được thu thập và đánh giá là hợp lệ.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Tự luyện tập kỹ năng nghe hiểu khi học tiếng Anh của sinh viên

Mức độ tự luyện tập	Số lượng SV	Tỉ lệ %
Liên tục tập luyện tiếng Anh	23	14,4
Thường xuyên tập luyện tiếng Anh	106	66,2
Thỉnh thoảng tập luyện tiếng Anh	31	19,4
Hiếm khi tập luyện tiếng Anh	0	0
Không bao giờ tập luyện tiếng Anh	0	0

Kết quả khảo sát cho thấy, 66,2% sinh viên thường xuyên tự luyện kỹ năng nghe tiếng Anh, 14,4% luyện tập liên tục, trong khi 19,4% chỉ thực hiện thỉnh thoảng. Điều này cho thấy sinh viên năm thứ hai không chuyên ngành May - Thiết kế thời trang có thái độ tích cực trong việc tự rèn luyện kỹ năng nghe hiểu. Qua phỏng vấn một số sinh viên, các em đều khẳng định rằng việc luyện nghe là một phần

quan trọng trong các kĩ năng tiếng Anh và các em dành nhiều thời gian cho hoạt động này. Sinh viên K.M.T chia sẻ rằng ngay từ khi bước vào đại học, em đã tập trung và dành thời gian học nghe hiểu cả trên lớp và tại nhà.

Nhận xét từ giảng viên dạy tiếng Anh N.T.P.L cũng cho thấy sinh viên chủ động thực hiện các bài tập nghe, điều này được phản ánh qua kết quả học tập phần nghe hiểu đạt hiệu quả cao. Thái độ chủ động của sinh viên còn được thể hiện qua việc tìm kiếm các nguồn nghe bổ trợ ngoài chương trình học chính thức, như bản tin, podcast, video hoặc các tài liệu tiếng Anh phù hợp với trình độ. Nhờ đó, các em không chỉ cải thiện kĩ năng nghe mà còn mở rộng vốn từ vựng, làm quen với cách phát âm và ngữ điệu tự nhiên, đồng thời nâng cao khả năng phản xạ khi nghe. Sự chủ động này cũng góp phần hình thành thái độ học tập tích cực, giúp sinh viên tự tin hơn trong giao tiếp và tham gia các hoạt động học tập tiếng Anh khác.

4.2. Những trở ngại trong quá trình nghe hiểu tiếng Anh

Trở ngại trong quá trình nghe hiểu tiếng Anh	Số lượng SV	Tỉ lệ %
Khả năng sử dụng từ vựng tổng quát	18	11,3
Khả năng sử dụng từ vựng chuyên môn	57	35,6
Hiểu biết về văn hóa và xã hội	44	27,5
Tình trạng lo lắng tâm lí	29	18,1
Tình trạng sức khỏe hạn chế	12	7,5

Kết quả khảo sát cho thấy, trở ngại đầu tiên về kiến thức ngôn ngữ liên quan đến việc sử dụng từ vựng chuyên môn, chiếm 35,6% số sinh viên, tiếp theo là khó khăn trong hiểu biết về văn hóa - xã hội, chiếm 27,5%. Hạn chế về vốn từ khiến sinh viên thường phải mất nhiều thời gian để suy luận và đoán nghĩa của các từ mới nhằm nắm bắt thông tin vừa nghe, dẫn đến việc bỏ lỡ những thông tin tiếp theo từ phía người nói. Qua quan sát thực tế, chúng tôi nhận thấy sinh viên thường tỏ ra lúng túng và gặp khó khăn khi tiếp nhận bài học mới. Bên cạnh đó, sự hạn chế về kiến thức ngữ pháp cũng ảnh hưởng đáng kể đến khả năng nghe hiểu; một số sinh viên cho biết họ không thể hiểu ý nghĩa của một số câu ngay cả khi không có từ mới xuất hiện. Thiếu kiến thức nền về các vấn đề văn hóa - xã hội cũng tạo ra thách thức cho quá trình nghe hiểu, khi một số chủ đề trở nên mới lạ hoặc xa lạ, gây khó khăn trong việc nắm bắt thông điệp từ người nói. Một sinh viên (N.T.L) chia sẻ: “Do vốn kiến thức văn hóa - xã hội của em còn hạn chế, quá trình nghe hiểu thông điệp gặp nhiều khó khăn; nhiều lúc em phải dành thời gian suy luận lâu mới có thể hiểu được nội dung mà giáo viên truyền đạt”. Thực tế này cho thấy rằng, khi không quen thuộc với bối cảnh văn hóa, các tham chiếu, thành ngữ hay cách diễn đạt đặc trưng, sinh viên dễ bị lạc hướng hoặc hiểu sai ý nghĩa. Hơn nữa, việc thiếu kiến thức nền tảng cũng làm tăng cảm giác căng thẳng và mất tự tin trong quá trình nghe, dẫn đến giảm hiệu quả tiếp nhận thông tin. Một số sinh viên cho biết họ thường phải dựa vào suy luận từ ngữ cảnh hoặc tra cứu thêm thông tin để hiểu bài, điều này vừa làm chậm tốc độ nghe vừa làm giảm khả năng phản xạ tự nhiên trong giao tiếp. Vì vậy, việc trang bị kiến thức văn hóa - xã hội song song với luyện nghe là điều cần thiết để cải thiện khả năng nắm bắt thông điệp, tăng cường sự tự tin và phát triển kĩ năng nghe hiểu một cách toàn diện.

Những khó khăn về tâm lí, sức khỏe và vốn từ vựng tổng quát cũng ảnh hưởng đến khả năng nghe hiểu của sinh viên, nhưng mức độ tác động tương đối thấp. Tuy nhiên, khi nghe các bài học với giọng đọc lạ, tốc độ nhanh hoặc ngữ điệu khác thường, một số sinh viên vẫn bộc lộ sự bối rối, lo lắng và mất bình tĩnh. Qua quan sát, chúng tôi nhận thấy nhiều sinh viên gặp khó khăn trong việc duy trì tập trung và nắm bắt nội dung bài học. Một sinh viên (H.T.T.M) chia sẻ: “Lo lắng làm giảm khả năng tập trung vào bài nghe, thậm chí nghe nhưng không hiểu nội dung”. Sinh viên khác (H.M.T) cho biết: “Lo lắng khi các bài học mang tính trừu tượng, khái quát khó nắm bắt”.

Thực tế này cho thấy tâm lí lo âu có thể trở thành rào cản đáng kể, khiến sinh viên khó tiếp nhận thông tin và nhận diện các ý chính, chi tiết quan trọng. Kết quả này nhấn mạnh nhu cầu cần củng cố vốn từ vựng tổng quát từ nhiều lĩnh vực để nâng cao khả năng nhận diện và hiểu ngữ cảnh khi nghe.

Đồng thời, duy trì sức khỏe tinh thần và thể chất ổn định cũng rất quan trọng, giúp sinh viên giảm căng thẳng, tăng khả năng tập trung và phản xạ khi nghe hiểu. Việc kết hợp luyện nghe thường xuyên với các bài tập phát âm, nghe nhắc lại (listen and repeat) và ghi chú chiến lược sẽ hỗ trợ sinh viên kiểm soát lo lắng, từ đó nâng cao hiệu quả tiếp thu kiến thức một cách toàn diện.

4.3. Phương pháp học nhằm nâng cao kỹ năng nghe hiểu tiếng Anh

Phương pháp học nhằm nâng cao kỹ năng nghe hiểu tiếng Anh	Số lượng SV	Tỉ lệ %
Hiểu thông tin bằng tiếng Anh do người Việt truyền đạt	12	7,5
Tiếp nhận thông tin tiếng Anh từ người bản ngữ	112	70
Tích cực tiếp xúc với thông tin tiếng Anh thông qua các phương tiện truyền thông như truyền hình và ấn phẩm viết	8	5,0
Đọc và phân tích bản tin trực tuyến bằng tiếng Anh	28	17,5

Số liệu khảo sát cho thấy, 70% sinh viên tiếp nhận thông tin tiếng Anh trực tiếp từ người bản ngữ, 17,5% đọc các bản tin trực tuyến bằng tiếng Anh, 7,5% kết hợp giữa tiếp nhận thông tin từ người bản ngữ và đọc tin, trong khi 5,0% chủ động tiếp xúc với tiếng Anh qua các phương tiện truyền thông như truyền hình và ấn phẩm viết. Những kết quả này cho thấy sinh viên năm thứ hai không chuyên ngành May - Thiết kế thời trang đã biết áp dụng nhiều phương pháp học đa dạng để nâng cao kỹ năng nghe hiểu tiếng Anh. Việc luyện nghe theo giọng nói của người bản ngữ giúp sinh viên làm quen với ngữ điệu, tốc độ và cách nhấn nhá trong câu, từ đó nâng cao khả năng nắm bắt thông tin chính và chi tiết. Đồng thời, thói quen đọc bản tin trực tuyến không chỉ hỗ trợ cải thiện kỹ năng nghe mà còn góp phần mở rộng vốn từ, củng cố ngữ pháp và nâng cao hiểu biết về văn hóa - xã hội của các quốc gia nói tiếng Anh. Sinh viên sử dụng kết hợp nhiều phương pháp học cũng thể hiện tính chủ động trong việc tiếp nhận và xử lý thông tin, tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển toàn diện các kỹ năng ngoại ngữ, đặc biệt là kỹ năng nghe - hiểu trong môi trường học tập và làm việc quốc tế.

Kết quả phỏng vấn củng cố xu hướng này, cho thấy sinh viên nhận thức rõ vai trò quan trọng của việc tiếp xúc trực tiếp với ngôn ngữ bản xứ trong quá trình rèn kỹ năng nghe. Sinh viên L.T.Q chia sẻ: “Em thường xuyên nghe các bài nói của người bản ngữ để nắm cách phát âm, nhờ đó khi học kỹ năng nghe, em hiểu thông tin trong bài dễ dàng hơn.” Điều này cho thấy luyện nghe chủ động không chỉ giúp cải thiện khả năng nhận diện âm thanh mà còn nâng cao kỹ năng dự đoán và xử lý thông tin trong các tình huống thực tế. Tương tự, N.T.P nhận xét: “Nghe người bản ngữ đọc nhiều giúp em quen với cách phát âm trong video bài nghe hoặc phát âm chuẩn của giảng viên”. Ý kiến này phản ánh rằng tiếp xúc với ngôn ngữ chuẩn giúp sinh viên làm quen nhịp điệu, ngữ điệu và hình thành thói quen nghe tự nhiên, giảm bớt ngỡ ngàng khi đối mặt với các bài nghe đa dạng. Như vậy, việc lắng nghe và mô phỏng cách phát âm của người bản xứ đóng vai trò then chốt trong việc nâng cao phản xạ nghe và hiệu quả học tập môn nghe hiểu. Đồng thời, xu hướng này cũng gợi mở hướng phát triển phương pháp học nghe tích hợp, kết hợp luyện nghe trực tiếp từ nguồn bản xứ với các bài tập trong lớp, tạo môi trường học tập đa dạng và thực tiễn, giúp sinh viên vừa hiểu nội dung vừa nâng cao phản xạ ngôn ngữ một cách tự nhiên.

Quan sát thực tế cho thấy giảng viên đã hướng dẫn sinh viên một cách hiệu quả, khuyến khích các em luyện tập và nâng cao kỹ năng nghe. Ngoài việc cung cấp các đường link và tài liệu từ người bản ngữ, giảng viên còn hướng dẫn sinh viên cách lựa chọn nguồn nghe phù hợp với trình độ, đồng thời giải thích các cấu trúc ngữ pháp và từ vựng xuất hiện trong bài nghe, giúp các em không chỉ nghe mà còn hiểu sâu nội dung. Bài giảng được chuẩn bị kỹ lưỡng với nhiều hoạt động thực hành phong phú như nghe theo chủ đề, đoán nghĩa từ vựng, điền từ, hay thảo luận nhóm, nhằm phát triển toàn diện kỹ năng nghe. Nhờ phương pháp này, sinh viên hình thành thói quen học nghe có hệ thống, biết luyện nghe theo mục tiêu, cải thiện phản xạ với ngôn ngữ và nâng cao khả năng hiểu tiếng Anh một cách hiệu quả. Đồng thời, môi trường học tích cực cùng sự khích lệ từ giảng viên giúp sinh viên tự tin hơn khi tiếp xúc với các nguồn nghe phức tạp, hình thành thói quen tự học lâu dài và nâng cao năng lực ngôn ngữ bền vững.

4.4. Các chiến lược được sinh viên sử dụng để nghe hiểu tiếng Anh

Các chiến lược được sinh viên sử dụng để nghe hiểu tiếng Anh	Số lượng SV	Tỉ lệ %
Tiếp nhận thông tin và ghi lại các từ khóa trọng tâm	104	65
Nghe và ghi chú các nội dung chính một cách có chọn lọc	44	27,5
Ghi chép toàn bộ thông tin được nghe mà không phân loại	10	6,3
Theo dõi bài nghe và ghi chú tất cả các chi tiết	1	0,6
Chỉ nghe mà không thực hiện ghi chép	1	0,6

Bảng số liệu trên cho thấy chiến lược “tiếp nhận thông tin và ghi lại các từ khóa trọng tâm” được đa số sinh viên lựa chọn, chiếm 65%, đứng đầu trong các chiến lược. Theo sau là chiến lược “nghe và ghi chú các nội dung chính một cách có chọn lọc” với 27,5%. Kết quả này cho thấy nhiều sinh viên đã vận dụng các chiến lược nghe hiệu quả, tập trung vào việc nhận diện từ khóa, nắm bắt ý chính và ghi chép một cách chọn lọc. Điều này phản ánh rằng sinh viên không chỉ dừng lại ở việc nghe hiểu ở mức bề mặt mà còn chủ động xử lý thông tin, giúp tăng khả năng ghi nhớ và liên kết kiến thức. Việc ưu tiên các từ khóa trọng tâm chứng tỏ các em biết cách lọc bỏ thông tin không quan trọng, từ đó nâng cao hiệu quả học tập. Đồng thời, chiến lược nghe có chọn lọc còn giúp sinh viên phát triển phản xạ nghe nhanh và chính xác, đặc biệt trong các bài nghe dài hoặc chứa nhiều thông tin, đồng thời hỗ trợ quá trình rèn luyện các kỹ năng ngôn ngữ khác như nói và viết. Những kết quả này minh chứng rằng việc áp dụng chiến lược nghe hợp lý là yếu tố quan trọng góp phần nâng cao năng lực nghe hiểu tiếng Anh của sinh viên.

Sau khi tiến hành hỏi đáp một số sinh viên cho biết: sinh viên H.T.K chia sẻ, “Trong lớp cũng như ở nhà, em luôn chỉ ghi các từ khóa quan trọng và ghi chép có chọn lọc, giúp em theo kịp thông tin người nói và có nhiều thời gian để hiểu nội dung.” Sinh viên N.M.Q cho biết, “Em thường ghi lại những từ hoặc cụm từ quan trọng, đại diện cho ý chính của câu, đoạn hoặc bài nghe. Cách này giúp em tập trung vào nội dung cốt lõi, tránh bị phân tâm bởi các chi tiết không quan trọng, tăng tốc độ ghi chép, đồng thời hỗ trợ ghi nhớ và hệ thống hóa thông tin; từ khóa được xem như ‘mỏ neo’ giúp dễ dàng hồi tưởng các ý chính khi cần.” Ngoài ra, nhiều sinh viên khác cũng nhấn mạnh lợi ích của việc sử dụng từ khóa như một chiến lược chủ động trong quá trình nghe hiểu. Sinh viên P.T.H chia sẻ rằng việc xác định từ khóa không chỉ giúp theo kịp bài nghe mà còn kích thích khả năng suy luận và dự đoán nội dung tiếp theo, nhờ đó quá trình hiểu bài trở nên hiệu quả hơn. Sinh viên L.V.D bổ sung, “Khi nghe, em thường kết hợp việc ghi từ khóa với việc tóm tắt nhanh ý chính bằng cách viết sơ đồ hoặc sơ đồ tư duy; điều này giúp em vừa nắm được cấu trúc bài nghe, vừa ghi nhớ thông tin lâu hơn.” Các ý kiến này phản ánh rõ ràng rằng, việc ghi chú từ khóa không chỉ là một kỹ thuật hỗ trợ về mặt ghi chép mà còn là một công cụ học tập chủ động, giúp sinh viên rèn luyện khả năng nhận diện thông tin trọng tâm, cải thiện kỹ năng tập trung và nâng cao hiệu quả tiếp thu kiến thức trong học tập nghe hiểu.

Qua việc quan sát phần ghi chép của sinh viên, thấy rằng phần lớn đều sử dụng chiến lược nghe phù hợp, chỉ ghi chú những từ khóa quan trọng một cách chọn lọc và cẩn thận, từ đó giúp họ dễ dàng nhận diện và tổng hợp thông tin trọng tâm của bài nghe. Bên cạnh đó, thực tế quan sát cũng cho thấy giảng viên đã hướng dẫn sinh viên tỉ mỉ trong việc xác định các từ khóa chủ chốt, đồng thời giải thích lý do tại sao các chiến lược như “nghe rồi ghi lại mọi thứ”, “nghe nhưng không ghi” hay “ghi tất cả chi tiết” không nên áp dụng, bởi chúng dễ dẫn đến tình trạng quá tải thông tin, mất tập trung và khó nắm bắt ý chính của bài nghe. Hơn nữa, giảng viên còn kết hợp việc đưa ra ví dụ minh họa từ các bài nghe thực tế, giúp sinh viên nhận thức rõ hơn về cách lựa chọn thông tin quan trọng và phát triển khả năng phân tích, tổng hợp thông tin. Nhờ đó, sinh viên không chỉ nâng cao kỹ năng nghe hiểu mà còn cải thiện khả năng tổ chức ghi chép, hỗ trợ hiệu quả cho việc học tập và ôn luyện sau này.

4.5. Các yếu tố tác động đến khả năng nghe hiểu tiếng Anh

Các yếu tố tác động đến khả năng nghe hiểu tiếng Anh	Mức độ ảnh hưởng (%)					
	Ảnh hưởng nhiều		Ảnh hưởng ít		Không ảnh hưởng	
	SL	Tỉ lệ %	SL	Tỉ lệ %	SL	Tỉ lệ %
Tốc độ nói	135	84,4	25	15,6	0	0,0
Chỗ dừng	132	82,5	28	17,5	0	0,0
Trọng âm và vần điệu	145	90,6	15	9,4	0	0,0
Sự khác biệt giữa ngôn ngữ mẹ đẻ và ngôn ngữ thứ hai	130	81,2	30	18,8	0	0,0

Bảng số liệu cho thấy hầu hết các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng nghe hiểu tiếng Anh của sinh viên đều ở mức cao (trên 70%). Cụ thể, yếu tố “trọng âm và vần điệu” ảnh hưởng mạnh nhất với 90,6% sinh viên đánh giá cao; tiếp theo là “tốc độ nói” (84,4%) và “chỗ dừng” (82,5%). Yếu tố ít ảnh hưởng nhất trong số này là “sự khác biệt giữa ngôn ngữ mẹ đẻ và ngôn ngữ thứ hai”, với 81,2% sinh viên cho rằng ảnh hưởng nhiều. Kết quả trên nhấn mạnh rằng trong giảng dạy tiếng Anh, giảng viên cần chú trọng các yếu tố này để nâng cao hiệu quả nghe hiểu của sinh viên. Đồng thời, sinh viên cũng cần rèn luyện khả năng thích ứng với những yếu tố này để nghe hiểu nhanh chóng, chính xác và hiệu quả. Quan sát thực tế trong các giờ học nghe cho thấy giảng viên đã áp dụng các biện pháp hỗ trợ, bao gồm sử dụng trọng âm và vần điệu gần với người bản ngữ, duy trì tốc độ nói vừa phải, và thỉnh thoảng dừng nghỉ để sinh viên dễ nắm bắt thông tin. Bên cạnh đó, giảng viên còn nhấn mạnh từ khóa quan trọng, lặp lại thông tin cốt lõi và đưa ra ví dụ minh họa liên quan đến thực tiễn. Những phương pháp này không chỉ giúp sinh viên nhận diện âm tiết, từ vựng và cấu trúc câu chính xác, mà còn nâng cao khả năng dự đoán nội dung, từ đó cải thiện hiệu quả nghe hiểu. Ngoài ra, việc tạo môi trường học tập tương tác, cho phép sinh viên đặt câu hỏi và thực hành ngay trong lớp, còn giúp tăng sự tự tin và khả năng phản xạ ngôn ngữ, làm cho quá trình tiếp nhận thông tin trở nên chủ động và bền vững hơn.

4.6. Đề xuất

Dựa trên kết quả khảo sát, nghiên cứu đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao kỹ năng nghe hiểu tiếng Anh của sinh viên năm thứ hai không chuyên ngành May - Thiết kế thời trang tại Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội, cụ thể như sau:

Đối với giảng viên: Giảng viên đóng vai trò trung tâm trong việc phát triển kỹ năng nghe hiểu của sinh viên. Trước hết, cần hướng dẫn sinh viên luyện phát âm chuẩn, bởi kiến thức ngữ âm không chỉ giúp nhận diện âm thanh chính xác mà còn tạo nền tảng vững chắc cho việc hiểu nội dung nghe. Đồng thời, giảng viên nên tích lũy kiến thức nền rộng và am hiểu sâu sắc về văn hóa ngôn ngữ để giải thích, minh họa các tình huống giao tiếp thực tế, hỗ trợ sinh viên nắm bắt ý nghĩa trong nhiều ngữ cảnh khác nhau. Việc đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của từng sinh viên cũng rất quan trọng, giúp điều chỉnh phương pháp giảng dạy và hướng dẫn họ xây dựng chiến lược học tập, rèn luyện kỹ năng nghe phù hợp với năng lực cá nhân. Bên cạnh đó, giảng viên cần cung cấp hoặc hướng dẫn sinh viên tiếp cận các nguồn tài liệu chất lượng, đa dạng và thực tiễn, từ đó khuyến khích họ luyện tập tại nhà, phát triển khả năng tự học và hình thành thói quen nghe hiểu tiếng Anh hiệu quả, bền vững.

Đối với sinh viên: Sinh viên cần chủ động nâng cao khả năng tự học thông qua việc luyện nghe các bản tin, chương trình phát thanh, podcast hoặc video bằng cả tiếng Anh và tiếng Việt từ nhiều nguồn khác nhau. Hoạt động này không chỉ củng cố kiến thức nền mà còn mở rộng vốn từ vựng, ngữ pháp và rèn luyện phản xạ nghe - hiểu một cách tự nhiên, linh hoạt. Đồng thời, việc đọc thêm sách, bài báo hoặc các tài liệu học thuật bằng tiếng Anh sẽ giúp làm quen với cách viết, lối tư duy và phong cách diễn đạt của người bản ngữ, vừa bổ sung kiến thức chuyên môn vừa nâng cao khả năng ngôn ngữ. Sinh viên nên tích cực tham gia các hoạt động học tập trên lớp, chủ động đóng góp ý kiến, đặt câu hỏi hoặc chia sẻ quan điểm cá nhân, từ đó giảng viên dễ dàng đánh giá trình độ và nhu cầu học tập, điều chỉnh phương pháp giảng dạy phù hợp. Trong quá trình nghe - hiểu, sinh viên cần duy trì sự

tập trung cao, ghi chép thông tin trọng tâm, tương tác và trao đổi kiến thức với bạn học. Đồng thời, luyện tập đều đặn kết hợp lí thuyết và thực hành sẽ giúp nâng cao kĩ năng nghe hiểu toàn diện, tạo nền tảng vững chắc cho việc phát triển các kĩ năng ngôn ngữ khác.

5. Kết luận

Kĩ năng nghe hiểu tiếng Anh của sinh viên năm thứ hai không chuyên ngành May - Thiết kế thời trang tại Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội đóng vai trò then chốt, ảnh hưởng trực tiếp đến năng lực ngoại ngữ tổng thể của sinh viên. Kết quả khảo sát và quan sát thực tiễn cho thấy hầu hết sinh viên thường xuyên tự luyện nghe các bản tin, podcast hoặc đoạn hội thoại tiếng Anh, nhờ đó cải thiện khả năng nắm bắt ý chính và hiểu nội dung cơ bản. Tuy nhiên, sinh viên vẫn gặp khó khăn khi tiếp nhận các thuật ngữ chuyên ngành May - Thiết kế thời trang, trong khi khả năng nghe hiểu các nội dung phổ thông hoặc liên quan đến văn hóa - xã hội ít bị hạn chế.

Quá trình nghe hiểu của sinh viên chịu ảnh hưởng đồng thời từ nhiều yếu tố, bao gồm đặc điểm ngôn ngữ của bài nghe (tốc độ nói, trọng âm, vần điệu), mức độ quen thuộc với ngôn ngữ thứ hai và khả năng áp dụng các chiến lược nghe hiệu quả. Trong thực tế, việc sinh viên chủ động nâng cao kĩ năng nghe hiểu tiếng Anh chuyên ngành - chẳng hạn như nghe thông tin từ người bản ngữ, tham khảo tài liệu học thuật hoặc đọc tin tức chuyên ngành bằng tiếng Anh - vẫn chưa được thực hiện một cách thường xuyên và có hệ thống. Mặt khác, dù hiệu quả giảng dạy kĩ năng nghe của giảng viên được đánh giá cao, sinh viên vẫn chưa khai thác triệt để các chiến lược nghe như chọn lọc từ khóa, dự đoán nội dung hay ghi chú thông tin trọng tâm. Điều này cho thấy bên cạnh việc nâng cao phương pháp giảng dạy, cần tăng cường hướng dẫn và khuyến khích sinh viên thực hành các chiến lược nghe chủ động, kết hợp với tự học và luyện tập ngoài lớp, nhằm nâng cao toàn diện kĩ năng nghe hiểu tiếng Anh chuyên ngành, đáp ứng yêu cầu học tập và nghề nghiệp trong tương lai.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Anderson, J.R. (1983), *The architecture of cognition*, Cambridge, Mass: Harvard university press.
2. Brette, P. (1995), *Multimedia for listening comprehension: The design of multimedia-based resources for developing listening skills*, system, 23(1), 77-88.
3. Brown, S. (2006), *Teaching listening*, New York, US: Cambridge university press.
4. Lê Văn Canh, Nguyễn Thị Mai Hương, Hoàng Thị Thúy Minh & Barnard, R. (2019), *Building teacher capacity in English language teaching in Vietnam: Research, policy and practice*. Building Teacher Capacity in English Language Teaching in Vietnam: Research, Policy and Practice. Routledge.
5. Duzer, C.V. (1997), *Improving ESL learners' listening skills: At the workplace and beyond*, http://www.cal.org/caela/esl_resources/digests/listenqa.html.
6. Tran, T., Dang, N., & Nguyen, L. (2024), *Factors Affecting Listening Comprehension of English-Majored Vietnamese First-Year Students*. *Advances in Social Sciences and Management*, 2(12), 53–68. <https://doi.org/10.63002/assm.212.775>.
7. Harmer, J. (2001), *The practice of English language teaching*. Longman.
8. Hasan, A.S. (2000), *Learners' perceptions of listening comprehension problems*, language, culture and curriculum, 13(2), 137-153.
9. Mendelsohn, D. J., 1994. *Learning to listen: A strategy-based approach for the second language learner*. San Diego: Dominie Press. 141p. 7.
10. Ngô Thị Hằng Nga (2015), Some insights into listening strategies of learners of English as a foreign language in Vietnam. *Language, Culture and Curriculum*, 28(3), 311-326.
11. Phương Thị Hệ, & Nguyễn Văn Tuấn. (2025), *Factors Influencing the Learning of Listening Comprehension Skills by Language-Major Students at Ho Chi Minh City Industry and Trade College*. *Journal of Technical Education Science*, 20(Special Issue 01), 13–22. <https://doi.org/10.54644/jte.2025.1656>

12. Nguyễn Thị Bôi Hoàng (2013), English Learning Strategies of Vietnamese Tertiary Students. PhD Thesis. Faculty of Education. University of Tasmania.
13. Nguyễn Huy Hoàng (2018), Fostering Positive Listening Habits among EFL Learners through the Application of Listening Strategy and Sub-skill Instructions. *Journal of Language Teaching and Research*, 9(2), 268.
14. Ngô Thị Thanh Huyền (2019), Listening comprehension strategy instruction: a review of previous studies. *Journal of Science*, Ho Chi Minh City University of Education, 16(8), 227-240.
15. O'Malley, J.M.& Chamot, A.U. (1990), *Learning strategies in second language acquisition*. Cambridge: Cambridge university press.
16. Thi Kieu Oanh, P. (2023), *A Review of Strategies for Teaching English Listening Comprehension: Vietnamese Context*. *Journal of English Language and Linguistics*, 1(2), 1–10. <https://doi.org/10.62819/jel.2020.72>.
17. Richards, J.C. (1983), *Listening comprehension: Approach, design, procedure*. *TESOL quarterly*, 17, 219-240.
18. Rost, M. (1994), *Introducing listening*, London: Penguin.
19. Rubin, J. & Thompson, I. (1994), *How to be a more successful language learner: Toward learning autonomy*, MA: Heinle & Heinle publishers.
20. Underwood, M. (1989), *Teaching listening*, New York, US: Longman.
21. Yagang, F. (1994), *Listening: problems and solutions*, *English teaching forum*, 3(1).

**English listening comprehension skills of second-year non-major students
in Garment and Fashion Design, Hanoi University of Industry**

Abstract: This study aims to investigate and evaluate the English listening comprehension skills of second-year non-major students in Garment – Fashion Design at Hanoi University of Industry. The survey results indicate that students frequently engage in self-practice by listening to English news and interacting with native speakers, which contributes to the improvement of their listening abilities. However, students still encounter difficulties in understanding listening materials, primarily due to limited knowledge of specialized vocabulary, general vocabulary, and socio-cultural knowledge. The application of learning methods to enhance specialized English listening skills is considered effective, and students also employ listening strategies efficiently. The study further analyzes factors affecting students' listening comprehension and proposes several solutions to improve this skill for second-year non-major students in Garment – Fashion Design at Hanoi University of Industry.

Key words: Listening comprehension skills; English learners; influencing factors; teaching and learning activities; university